

Số: 103 /TCBLH-SSC

Tp.HCM, ngày 04 tháng 9 năm 2026

BẢN TỰ CÔNG BỐ LƯU HÀNH GIỐNG CÂY TRỒNG

Tên tổ chức, cá nhân tự công bố lưu hành giống cây trồng: Công ty Cổ phần Giống cây trồng miền Nam.

Mã số thuế: 0302634683

Địa chỉ: 282 Lê Văn Sỹ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.38442414 Fax: 028.38442387 Email: southernseed@ssc.com.vn

1. Tên giống cây trồng tự công bố lưu hành: NAMNONG 66

Tên loài: Củ cải - *Raphanus sativus* L.

Cấp giống: Hạt giống lai F1

Nguồn gốc giống: nhập nội (tên giống khảo nghiệm Jewrad26-5)

2. Phạm vi lưu hành của giống cây trồng: các vùng trồng củ trên phạm vi cả nước

3. Thời gian bắt đầu lưu hành giống cây trồng: Từ khi thông tin về giống được đăng tải trên trang web của công ty cổ phần Giống cây trồng miền Nam

<https://ssc.com.vn/vi/r-d/tu-cong-bo-luu-hanh/>

4. Thông tin về giống cây trồng

4.1. Đặc tính của giống: NAMNONG 66

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính/Điểm	Trạng thái biểu hiện
1	Thời gian sinh trưởng	Ngày	45 – 50
2	Số lá/ cây	lá	13 - 17
3	Chiều dài củ	cm	13,0 – 13,4
4	Hình dạng củ	3	Hình Trụ
5	Màu vỏ củ	1	Trắng
6	Khối lượng trung bình củ	Gam	150,0 – 170,0
7	Năng suất	Tấn/ha	35,5 – 50,0
8	Độ xốp	5	Không xốp
9	Độ rỗng ruột	1	Không rỗng
10	Bệnh sương mai (Peronospora parasitica)	2	Nhiễm nhẹ: <20% diện tích lá nhiễm bệnh
11	Bệnh thối nhũn (Erwinia carotovora)	%	2,5
12	Bệnh đốm lá (Alternaria brassicae/raphani)	2	Nhiễm nhẹ: <20% diện tích lá nhiễm bệnh



g

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính/Điểm	Trạng thái biểu hiện
13	Sâu tơ (Plutella xylostella)	%	5,0
14	Bọ nhảy (Phyllotreta spp.)	%	5,0

Kết quả khảo nghiệm có kiểm soát tính chịu hạn trong điều kiện nhân tạo (bị hạn 3 ngày) của giống cải củ lai F1 NAMNONG 66: Sau 3 ngày không tưới thì cây chỉ héo nhẹ và phục hồi khi trời mát

Kết quả giá trị canh tác và giá trị sử dụng giống cải củ lai F1 NAMNONG 66 đạt theo tiêu chuẩn cơ sở: TCCS 01:2025/SSC về giá trị canh tác, giá trị sử dụng của công ty cổ phần giống cây trồng miền Nam công bố và áp dụng.

4.2. Chỉ tiêu chất lượng hạt giống (Áp dụng TCCS 02:2025/SSC)

Chỉ tiêu	F1
Độ sạch, % khối lượng, không nhỏ hơn	99,0
Nảy mầm, % số hạt, không nhỏ hơn	85
Độ ẩm, % khối lượng, không lớn hơn	9,0

4.3. Thông tin cảnh báo an toàn

- Hạt giống sau khi gieo trồng sẽ cho trái thương phẩm có ưu thế lai. Không sử dụng hạt của trái thương phẩm để làm giống cho những vụ sau.

4.4. Hướng dẫn bảo quản và sử dụng

- Điều kiện bảo quản: Hạt giống trước khi đem vào bảo quản phải sạch tạp chất, phơi sấy thật khô, đạt tới thủy phần an toàn trong bảo quản. Bảo quản trong điều kiện khô ráo, thoáng mát. Kiểm tra định kỳ tình trạng sức sống hạt giống (tỷ lệ nảy mầm), theo dõi phòng trừ sâu mọt, chuột phá hại.

- Thời hạn sử dụng: Theo khuyến cáo ngày sản xuất và hạn sử dụng in trên bao bì.

- Sử dụng quả: Dùng làm thực phẩm hoặc thức ăn chăn nuôi.....

- Thời vụ gieo trồng và vùng sản xuất: Có thể trồng quanh năm trên các chân đất tưới tiêu chủ động tại các vùng trồng cải củ trên phạm vi cả nước

Chúng tôi cam đoan và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của những thông tin trong các văn bản kèm theo hồ sơ tự công bố lưu hành giống cây trồng./.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Trường Loan



Tp.HCM, ngày 04 tháng 9 năm 2026

**KẾT QUẢ GIÁ TRỊ CANH TÁC, GIÁ TRỊ SỬ DỤNG
GIỐNG CỦ CẢI LAI F1 NAMNONG 66**

Tên tổ chức, cá nhân tự công bố lưu hành giống cây trồng: Công ty Cổ phần Giống cây trồng miền Nam.

Địa chỉ: 282 Lê Văn Sỹ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.38442414 Fax: 028.38442387 Email: southernseed@ssc.com.vn

1. Tên giống cây trồng tự công bố lưu hành: NAMNONG 66

Tên loài : Củ cải - *Raphanus sativus* L.

Cấp giống: Hạt giống lai F1

Nguồn gốc giống : nhập nội (tên giống khảo nghiệm Jewrad26-5)

2. Kết quả giá trị canh tác, giá trị sử dụng: của giống củ cải lai F1 NAMNONG 66 đạt theo tiêu chuẩn cơ sở TCCS 01:2025/SSC do CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM xây dựng và công bố áp dụng:

TT	Chỉ tiêu	TCCS 01:2025/SSC	NAMNONG 66	Nhận xét
1	Ngày mọc (ngày)	< 7	4 - 6	Đạt
2	Thời gian sinh trưởng (ngày)	< 60	45 - 50	Đạt
3	Số lá/ cây (lá)	≤ 20	13 - 17	Đạt
4	Dạng lá	1- Lá nguyên 2- Lá xẻ thùy 3- Lá xẻ thùy sâu 4- Lá lông chim 5- Khác	1- Lá nguyên	Đạt
5	Góc lá	1- Đứng 2- Nửa đứng 3- Ngang 4- Nửa rũ 5- Rũ	1- Đứng	Đạt
6	Chiều dài củ (cm)	≥ 10	13,0 - 13,4	Đạt
7	Đường kính củ (cm)	≥ 3	3,5 – 5,0	Đạt



g

TT	Chỉ tiêu	TCCS 01:2025/SSC	NAMNONG 66	Nhận xét
8	Hình dạng củ	1- Tròn 2- Thuôn dài 3- Hình trụ 4- Bán dài 5- Khác	3- Hình trụ	Đạt
9	Màu vỏ củ	1- Trắng 2- Đỏ 3- Hồng 4- Xanh 5- Khác	1- Trắng	Đạt
10	Màu thịt củ	1- Trắng 2- Hồng 3- Vàng kem 4- Xanh nhạt 5- Khác	1- Trắng	Đạt
11	Độ đồng đều củ	1- Kém 3- Trung bình 5- Tốt	5- Tốt	Đạt
12	Khối lượng củ trung bình (gam)	≥ 150	150,0 – 170,0	Đạt
13	Năng suất thực thu (tấn/ha)	≥ 30	35,5 – 50,0	Đạt
14	Độ xốp	1- Xốp hoàn toàn: diện tích mô xốp/ mặt cắt ngang 100% 2- Xốp nặng: diện tích mô xốp / mặt cắt ngang >50% 3- Xốp vừa: diện tích mô xốp / mặt cắt ngang >20% 4- Xốp nhẹ: diện tích mô xốp / mặt cắt ngang >5% 5- Không xốp	5- Không xốp	Đạt
15	Độ rỗng ruột	1- Không rỗng (Ruột củ đặc, chắc) 3- Rỗng nhẹ (Có khoảng rỗng nhỏ, cục bộ trong ruột củ) 5- Rỗng nhiều (Có khoảng rỗng lớn hoặc nhiều vùng rỗng trong ruột củ)	1- Không rỗng (Ruột củ đặc, chắc)	Đạt

4683
GTY
HÂN
ẢY TR
INA
P.H



TT	Chỉ tiêu	TCCS 01:2025/SSC	NAMNONG 66	Nhận xét
16	Bệnh sương mai (Peronospora parasitica)	1- Không nhiễm bệnh 2- Nhiễm nhẹ: < 20% diện tích lá nhiễm bệnh 3- Nhiễm trung bình: từ 20 đến 40% diện tích lá nhiễm bệnh 4- Nhiễm nặng: hơn 40-60% diện tích lá nhiễm bệnh 5- Nhiễm rất nặng: > 60% diện tích lá nhiễm bệnh	2- Nhiễm nhẹ: < 20% diện tích lá nhiễm bệnh	Đạt
17	Bệnh thối nhũn (Erwinia carotovora) (%)	≤ 5%	2,5	Đạt
18	Bệnh đốm lá (Alternaria brassicae/raphani)	1- Không nhiễm bệnh 2- Nhiễm nhẹ: < 20% diện tích lá nhiễm bệnh 3- Nhiễm trung bình: từ 20 đến 40% diện tích lá nhiễm bệnh 4- Nhiễm nặng: hơn 40-60% diện tích lá nhiễm bệnh 5- Nhiễm rất nặng: > 60% diện tích lá nhiễm bệnh	2- Nhiễm nhẹ: < 20% diện tích lá nhiễm bệnh	Đạt
19	Sâu tơ (Plutella xylostella) (%)	≤ 20%	5,0	Đạt
20	Bọ nhảy (Phyllotreta spp.) (%)	≤ 20%	5,0	Đạt

Kết quả khảo nghiệm có kiểm soát tính chịu hạn trong điều kiện nhân tạo (bị hạn 3 ngày) của giống cải củ lai F1 NAMNONG 66: Sau 3 ngày không tưới thì cây chỉ héo nhẹ và phục hồi khi trời mát

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Trường Loan Lai

	CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM QUY TRÌNH CANH TÁC GIỐNG CẢI CẢI LAI F1 NAMNONG 66	Mã số: QT-CT-103
		Số trang: 1/ 2

I. Đặc điểm giống Cải củ lai F1 NAMNONG 66

Giống Cải củ lai F1 NAMNONG 66 là hạt giống lai F1 do Công ty Cổ phần Giống cây trồng miền Nam nhập nội, sản xuất và kinh doanh. Thu hoạch sau 45 - 50 ngày. Năng suất trung bình từ 35,5 – 50,0 tấn/ha.

Cây sinh trưởng khỏe, thích nghi nhiều loại đất khác nhau, trồng quanh năm.

II. Thời vụ

Cây Cải củ có thể trồng quanh năm. Thể hiện tốt nhất vụ Thu Đông và Đông Xuân

III. Chuẩn bị đất

Chọn đất đất cát pha, đất thịt nhẹ tơi xốp, giàu dinh dưỡng, cao, chủ động tưới tiêu, pH đất 6 - 6,5.

Đất phải được cày lật phơi ải trước khi gieo trồng từ 10 - 15 ngày với mục đích tiêu diệt cỏ dại, mầm mống sâu bệnh, tạo điều kiện cho đất thoáng và tơi xốp.

Sau khi phơi ải, đất được bừa kỹ lên luống rộng 1,0 - 1,2 m, rãnh rộng 20 - 25 cm, cao 30 cm, nếu gieo vào vụ sớm cần lên luống cao hơn

IV. Mật độ và khoảng cách trồng

- Khoảng cách: cây cách cây 10- 15 cm, hàng cách hàng 20 -25 cm.
- Mật độ 260.000 – 400.000 cây/ha.
- Gieo 1–2 hạt/hốc, phủ đất mịn 0,5–1 cm.

V. Bón phân

Chỉ sử dụng các loại phân bón và chất phụ gia có trong Danh mục phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam; ưu tiên lựa chọn các loại phân hữu cơ đã qua xử lý hoai mục, phân hữu cơ sinh học, phân hữu cơ vi sinh

- Lượng phân bón (tính cho 1ha): Phân hữu cơ hoai mục 15 - 20 tấn hoặc lượng phân hữu cơ khác tương đương, vôi bột 600kg nếu đất chua (pH<5,5). Phân vô cơ: 65 -100kg N + 30 - 50 kg P₂O₅ + 50 - 65 kg K₂O. Tùy điều kiện cụ thể của điểm khảo nghiệm, xác định lượng bón phù hợp cho từng vụ khảo nghiệm.

- Cách bón: Bón lót toàn bộ phân hữu cơ, phân lân và vôi bột vào rạch (hốc) theo hai hàng trồng, đảo đều phân với đất, lấp kín rạch (hốc) trước khi trồng từ 1 đến 2 ngày.

Tỷ lệ bón đạm, lân và kali (% tổng số)

Thời điểm	Phân hữu cơ	P ₂ O ₅	Đạm	K ₂ O
Bón lót	100	100	20 - 30	20 - 30
Bón thúc 1 (7 - 10 ngày)	-	-	30 - 40	20 - 30
Bón thúc 2 (15 - 20 ngày)	-	-	30 - 40	30 - 40

	CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM QUY TRÌNH CANH TÁC GIỐNG CỦ CẢI LAI F1 NAMNONG 66	Mã số: QT-CT-103
		Số trang: 2/ 2

Bón thúc 3 (30 - 35 ngày)	-	-	Phần còn lại	Phần còn lại
---------------------------	---	---	--------------	--------------

VI. Chăm sóc

- Sử dụng nguồn nước đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định; tưới nước đủ ẩm từ sau khi trồng đến khi thu hoạch; tiêu nước kịp thời khi ngập úng.
- Làm cỏ, xới xáo, tỉa định cây chia làm 2 đợt:
 - Đợt 1: Khi cây được 2 - 3 lá thật, xới xáo nhẹ, tỉa bớt những chỗ cây mọc dày, cây xấu, kết hợp nhặt cỏ.
 - Đợt 2: Khi cây bắt đầu phình củ, xới kết hợp với vun vào gốc, làm cỏ, và tỉa định cây, chỉ để 1 cây/hốc

VII. Phòng trừ sâu bệnh

- Sâu hại: Một số loại sâu hại chính như *sâu tơ*, *bọ nhậy*... Cày ải, phơi đất, vệ sinh đồng ruộng. Rải thuốc hạt khử đất để diệt sâu, nhộng sống trong đất trước khi trồng. Nên bắt, xua đuổi thành trùng bằng tay, dùng vợt hay phun thuốc bảo vệ thực vật theo khuyến cáo tại địa phương để phòng trừ khi mật độ sâu hại còn thấp.
- Bệnh hại: Một số bệnh hại quan trọng như bệnh đốm lá, sương mai, thối nhũn... Dùng thuốc bảo vệ thực vật theo khuyến cáo tại địa phương để phòng trừ bệnh hại.

VIII. Thu hoạch

- Thu hoạch khi củ đạt trọng lượng và kích thước thương phẩm
- Thời điểm thu hoạch phải đảm bảo thời gian cách ly theo chỉ dẫn trên bao bì hóa chất, thuốc BVTV.

TỔNG GIÁM ĐỐC

(ký tên và đóng dấu)



Lưuân Trương Lân Lai